

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2023

V/v: Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Giang;

Ông Đoàn Trung Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị M, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm S, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Doãn Văn D, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm S, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Doãn Văn D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã H cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28- 01- 2005. Sau đó, vợ chồng chung sống hòa thuận được 11 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, kinh tế và đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Doãn Văn D, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh Doãn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Doãn Minh D1, sinh ngày 01-12- 2005; Doãn Bảo Vân, sinh ngày 09- 12- 2007 và Doãn Bảo N, sinh ngày 09- 9- 2016. Hiện nay, cả 03 con chung đang ở cùng chị. Ly hôn, chị nhận nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 340, tờ bản đồ số 4 tại xóm S (xóm A cũ), xã H, huyện G, tỉnh Nam Định được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 103410 ngày 21- 11- 2019 với diện tích 390,5m²; trên đất có xây 01 ngôi nhà ống mái bằng 01 tầng xây năm 2015. Nguyên vọng của chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nhận sử dụng phần diện tích đất có nhà đã xây năm 2015.

Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Doãn Văn D: Anh và chị Phùng Thị M được Ủy ban nhân dân xã H cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28- 01- 2005. Sau đó, vợ chồng chung sống được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn do chị M sống không chung thủy. Trong suốt khoảng thời gian từ cuối năm 2019 cho đến cuối năm 2021, anh D đã khuyên nhủ và cho chị M nhiều cơ hội nhưng chị M không thay đổi. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Phùng Thị M, không có cơ hội hàn gắn hạnh phúc nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Doãn Minh D1, sinh ngày 01-12- 2005; Doãn Bảo Vân, sinh ngày 09- 12- 2007 và Doãn Bảo N, sinh ngày 09- 9- 2016. Hiện nay cả 03 con chung đang ở cùng chị M. Ly hôn, anh nhận nuôi con chung là cháu Doãn Minh D1, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là nhà đất như chị M trình bày. Thửa đất của vợ chồng là của bố mẹ anh tặng cho vợ chồng, mặc dù thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng, hai bên đã có trục trặc nhưng anh hi vọng chị M thay đổi nên vẫn tiếp tục thực hiện thủ tục để vợ chồng được mang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà trên đất là do anh và chị M xây năm 2015. Nay chị M yêu cầu chia tài sản, anh nhất trí chia nhà nhưng không nhất trí chia đất vì đất là của bố mẹ anh, anh muốn giữ lại đất để sau này cho con.

Tại bản tự khai cháu Doãn Minh D1 và cháu Doãn Bảo V đều trình bày nguyện vọng: Khi bố mẹ ly hôn, bố mẹ sắp xếp cháu ở với ai thì cháu cũng đồng ý.

Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

- Về phần đất, phía Bắc giáp với thửa đất số 338 dài 28m; phía Nam giáp thửa đất số 54 dài 26,4 m; phía Tây giáp đường trục xã dài 17,5m; phía Đông giáp thửa số 339 dài 11,4m; tổng diện tích là 390,5 m² là đất vườn ao. Tài sản gắn liền

trên thửa đất gồm: 01 nhà mái bằng có bếp, công trình phụ kèm theo, 01 lán bán hàng (không sử dụng, đã bỏ hoang, không còn giá trị), 01 nhà tắm độc lập (đã xuống cấp không còn giá trị), dầu chạy dài từ đường vào bờ ao, tường ao, mái tôn và hàng rào phía trước nhà, mái tôn phía sườn nhà.

- Giá trị quyền sử dụng đất là 2.000.000 đồng/m². Giá trị các công trình trên đất như sau: 01 nhà mái bằng có bếp, công trình phụ kèm theo trị giá 264.809.700 đồng; dầu chạy dài từ đường vào bờ ao trị giá 344.400 đồng, tường ao trị giá 750.000 đồng, mái tôn và hàng rào phía trước nhà trị giá 3.690.000 đồng, mái tôn phía sườn nhà trị giá 2.520.000 đồng; tổng giá trị các công trình (đã làm tròn) là 272.114.000 đồng.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã H, huyện G: Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, con chung, tài sản như các đương sự trình bày là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị M và anh Doãn Văn D. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Doãn Minh D1, sinh ngày 01- 12- 2005 cho anh Doãn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Doãn Bảo V, sinh ngày 09- 12- 2007 và Doãn Bảo N, sinh ngày 09- 9- 2016 cho chị Phùng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chia cho chị M 40%, anh D 60% giá trị quyền sử dụng đất; chị M và anh D mỗi người 50% giá trị công trình xây dựng. Chị M được nhận phần đất có nhà ở, anh D nhận phần đất còn lại và có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản. Các đương sự phải nộp án phí ly hôn, án phí tài sản theo giá trị tài sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị M và anh Doãn Văn D kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của chị M và anh D không có hạnh phúc. Nay chị M xin ly hôn, anh D nhất trí. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Thị M và anh Doãn Văn D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị M và anh Doãn Văn D phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về việc nuôi con: Xác định vợ chồng 03 con chung là Doãn Minh D1, sinh ngày 01- 12- 2005; Doãn Bảo Vân, sinh ngày 09- 12- 2007 và Doãn Bảo N,

sinh ngày 09- 9- 2016. Căn cứ nguyện vọng, điều kiện của các đương sự, giao con chung Doãn Minh D1, sinh ngày 01- 12- 2005 cho anh Doãn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Doãn Bảo V, sinh ngày 09- 12- 2007 và Doãn Bảo N, sinh ngày 09- 9- 2016 cho chị Phùng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện cháu D1 đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng nên phải buộc chị Phùng Thị M có nghĩa vụ giao con cho anh Doãn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản: Xác định vợ chồng chị Phùng Thị M và anh Doãn Văn D có tài sản chung là thửa đất số 340, tờ bản đồ số 4 tại xóm S (Xóm A cũ), xã H, huyện G, tỉnh Nam Định được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 103410 ngày 21- 11- 2019 với diện tích 390,5m² (đất vườn ao) trị giá 781.000.000 đồng. Giá trị các công trình trên đất gồm 01 nhà mái bằng có bếp, công trình phụ kèm theo trị giá 264.809.700 đồng; tường bao trị giá 344.400 đồng, tường kê ao trị giá 750.000 đồng, mái tôn và hàng rào phía trước nhà trị giá 3.690.000 đồng, mái tôn phía sườn nhà trị giá 2.520.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là 1.053.114.000 đồng.

[4] Căn cứ vào nhu cầu sử dụng và hiện trạng sử dụng đất, đảm bảo quyền lợi của phụ nữ, việc chị M phải nuôi con nhỏ, nguồn gốc thửa đất là do mẹ anh D tặng cho vợ chồng; Hội đồng xét xử chia cho chị Phùng Thị M được quyền sử dụng đất diện tích đất 123,4 m² (trong đó đất vườn 88,6 m² và ao 34,8 m²) cùng 01 nhà mái bằng có bếp, công trình phụ kèm theo, mái tôn và hàng rào tổng giá trị là 517.819.000 đồng. Phần đất còn lại 267,1 m² (trong đó đất vườn 191,8 m² và ao 75,3 m²) trị giá 534.200.000 đồng và tường bao, tường kê ao; tổng giá trị tài sản là 535.294.000 đồng. Anh Dũng được nhận giá trị tài sản lớn hơn nhưng Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải buộc anh D không phải thanh toán giá trị tài sản cho chị M là phù hợp.

[5] Các đương sự đã xây nhà ở trên đất vườn ao là vi phạm pháp luật đất đai, thẩm quyền xử lý thuộc cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

[6] Về án phí: Chị Phùng Thị M là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Chị M và anh D phải nộp án phí tài sản đối với giá trị tài sản được chia.

[7] Các đương sự đều có mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Phùng Thị M và anh Doãn Văn D.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử: Chị Phùng Thị M trực tiếp nuôi 02 con chung là Doãn Bảo V, sinh ngày 09- 12- 2007 và Doãn Bảo N, sinh ngày 09- 9- 2016; anh Doãn Văn D trực tiếp nuôi con chung là Doãn Minh D1, sinh ngày 01- 12- 2005. Buộc chị Phùng Thị M phải giao con chung là cháu D1 cho anh Doãn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử:

Chia cho Phùng Thị M được quyền sử dụng đất diện tích đất 123,4 m² (trong đó đất vườn 88,6 m² và ao 34,8 m²) và toàn bộ công trình xây dựng trên đất; các cạnh đất cụ thể: Phía Bắc giáp phần đất chia cho anh D dài 18,7m; phía Nam giáp thửa đất số 54 dài 18,7m; phía Đông giáp phần đất chia cho anh D dài 6,6m; phía Tây giáp đường trục xã dài 6,6m.

Chia cho anh Doãn Văn D được quyền sử dụng đất 267,1 m² (trong đó đất vườn 191,8 m² và ao 75,3 m²) và toàn bộ công trình xây dựng trên đất; có các cạnh: Phía Bắc giáp thửa đất số 338 dài 28,0m; phía Nam giáp phần đất chia cho chị M dài 18,7m và giáp thửa đất số 54 dài 7,7m; phía Đông giáp thửa đất số 339 dài 11,4m; phía Tây giáp đường trục xã dài 10,9 m và giáp phần đất chia cho chị M dài 6,6m.

(Có sơ đồ kèm theo)

(Đất phân chia tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 4 tại xóm S (xóm A cũ), xã H, huyện G, tỉnh Nam Định được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 103410 ngày 21- 11- 2019).

Anh Doãn Văn D có trách nhiệm giao nhà đất cho chị Phùng Thị Miên .

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Doãn Văn D và chị Phùng Thị M để cấp Giấy chứng nhận cho các đương sự theo bản án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Chị Phùng Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 24.712.000 đồng án phí tài sản được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 31.050.000 đồng theo Biên lai thu số 0000430 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; Chị M được hoàn trả 6.338.000 đồng.

Anh Doãn Văn D nộp 25.411.000 đồng án phí tài sản.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự: 02 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- UBND xã Hoàn Sơn: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên